SỞ GD-ĐT TP ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN LỚP 12

GV: Lê Thị Hiệp

BÀI 7 SỰ THẬT TRONG TÁC PHẨM KÍ

(Đọc - 6 tiết; THTV – 1 tiết ;Viết - 2 tiết; Nói nghe - 2 tiết)

I. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của phóng sự và hồi kí như: tính phi hư cấu, một số thủ pháp nghệ thuật (miêu tả, trần thuật); sự kết hợp của các chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ và đánh giá của người viết;…
- Phân tích, đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm kí đối với người đọc và tiến bộ xã hội.
- Hiểu được đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật để vậndụng một cách hiệu quả trong giao tiếp.
- Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.
- Biết trình bày ý kiến về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

2. Về năng lực

- Biết cảm nhận, trao đổi, trình bày ý kiến của mình về thể loại phóng sự; biết thể hiện thái độ và quan điểm cá nhân về một số chi tiết tiêu biểu trong phóng sự.
- Biết trình bàu một ý kiến về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.
- Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận liên quan đến tuổi trẻ.

3. Về phẩm chất: Có cái nhìn tỉnh táo về hiện thực; biết trân trọng những quyết định, hành động hướng về lí tưởng cao đẹp.

II. TIỀN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN 1: ĐỌC

Tiết 67-69 VĂN BẢN 1: NGHỆ THUẬT BĂM THỊT GÀ

(Trích "Việc làng" - Ngô Tất Tố)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Khái niệm và đặc điểm của thể loại phóng sự, hồi kí
- Cách đọc phóng sự, hồi kí.

2. Về năng lực:

- Năng lực giao tiếp và hợp tác thể hiện qua việc thảo luận nhóm, nhận xét kết quả của nhóm khác/bạn
- Năng lực tự chủ và tự học thể hiện qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập, phần chuẩn bị bài ở nhà
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo thể hiện qua việc biết phân tích, đánh giá vấn đề; hình thành kết nối các ý tưởng.
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của phóng sự và hồi kí như: tính phi hư cấu, một số thủ pháp nghệ thuật (miêu tả, trần thuật); sự kết hợp của các chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ đánh giá của người viết,...
- Phân tích, đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm kí đối với người đọc và tiến bộ xã hội
- Hiểu được đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật để vận dụng một cách hiệu quả trong giao tiếp.
- Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ
- Biết trình bày ý kiến về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

3. Về phẩm chất: Có cái nhìn tỉnh táo về hiện thực; biết trân trọng những quyết định, hành động hướng về lí tưởng cao đẹp**.**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên: SGK, SGV Ngữ văn 12, kế hoạch bài dạy, tivi, tư liệu, hình ảnh tác giả.

2. Học sinh: SGK, phiếu học tập, các tài liệu liên quan đến tác giả, tác phẩm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú về bài học; Nhận biết được chủ điểm của bài học; Nhận biết được nhiệm vụ học tập chính của phần Đọc.

b. Nội dung: HS thảo luận và trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: suy nghĩ ,nhận xét của học sinh về từ nghệ thuật và nghệ sĩ.

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của Gv và Hs</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
Hoạt động 1: Tìm hiểu chủ điểm bài học
* Chuyển giao nhiệm vụ
Cách 1. (1) Yêu cầu học sinh lấy giấy note và liệt kê những từ khóa thể hiện suy nghĩ của em về cụm từ "sự thật", "trang viết". Theo em, nhưng thể loại văn học nào đặc biệt chú trọng đến chất liệu là hiện thực cuộc sống? Kể tên một vài văn bản thuộc thể loại kí đã học ở chương trình Ngữ văn THCS và lớp 11.
Cách 2. HS thảo luận và thực hiện các yêu cầu sau đây
(1) Hoàn thành cột K và cột W theo hướng dẫn sau:
<table>
<tr><th>K
(Những điều em đã biết về thể loại kí)</th><th>W
(Những điều em muốn biết thêm</th><th>L
(Những điều em đã học</th></tr>
</table>
</td><td>Câu trả lời của học sinh.</td></tr>
</table>

	về thể loại kí)	được về thể loại kí)
- Em đã biết gì về thể loại kí? - Em đã từng đọc/học văn bản kí nào? - Kể tên một số thể loại kí mà em nhớ.	- Em muốn biết thêm gì về thể loại kí?	

(2) Theo em, ngoài lĩnh vực nghệ thuật chuyên nghiệp, người ta thường dùng từ "nghệ thuật" và "nghệ sĩ" để chỉ hoạt động hoặc con người như thế nào?

**** Thực hiện nhiệm vụ:*** HS lắng nghe câu hỏi, cá nhân/thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi. Sử dụng giấy note để ghi ngắn gọn câu trả lời

**** Báo cáo, thảo luận:*** GV gọi 1 - 3 HS trình bày.

**** Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét câu trả lời của HS, giới thiệu chủ điểm của bài học.

Hoạt động 2: Xác định nhiệm vụ học tập

****Chuyển giao nhiệm vụ:***

? Đọc lướt nhan để bài học, yêu cầu cần đạt, các văn bản sẽ học và xác định nhiệm vụ học tập chính của phần đọc

**** Thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân, đọc SGK và trả lời câu hỏi.

**** Báo cáo, thảo luận:*** HS trả lời theo ý kiến cá nhân. Các HS còn lại lắng nghe, bổ sung.

**** Kết luận, nhận định:*** GV kết luận, nhận định về nhiệm vụ học tập.

Chia sẻ của học sinh

2. <u>Hoạt động hình thành kiến thức</u>

*** Hoạt động 1. Tìm hiểu tri thức Ngữ văn**

a. Mục tiêu: Bước đầu nhận biết được đặc điểm của thể loại phóng sự, hồi kí

b. Nội dung: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu chung về các vấn đề trên.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh về đặc điểm của thể loại phóng sự, hồi kí

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
*** Chuyển giao nhiệm vụ :** GV yêu cầu hs đọc thông tin trong phần Tri thức ngữ văn- SGK 38,39, (1) Hoàn thành phiếu học tập số 1.	**1. Phóng sự và hồi kí**

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1
TÌM HIỂU VỀ PHÓNG SỰ, HỒI KÍ

	Phóng sự	Hồi kí
Giống nhau		
Khác nhau		

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1
TÌM HIỂU VỀ PHÓNG SỰ, HỒI KÍ

	Phóng sự	Hồi kí
Giống nhau	+ Đều thuộc loại hình kí + Phản ánh xác thực những hiện tượng của cuộc sống (phi hư cấu).	
Khác nhau	- Cái nhìn chân thực về một sự vật, hiện tượng, có ý nghĩa thời sự, diễn ra trong đời sống. - Chân thực về thời gian, địa điểm, sự kiện, con người. - Thể hiện tính chiến đấu cao - Tác giả thường sử dụng các biện pháp nghiệp vụ báo chí như điều tra, phỏng vấn, đối thoại,...để đảm bảo tính xác thực - Hư cấu ở mức độ nhất định (hấp dẫn)	- Kể về những sự kiện, biến cố trong quá khứ, tác giả là nhân vật trung tâm, người tham dự hoặc chứng kiến. - Đề cao tính xác thực. - Mang đậm tính chủ quan.

(2) Em hiểu như thế nào là ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật? Điểm	**2. Ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân**

<table>
<tr>
<td>giống và khác nhau giữa hai phong cách ngôn ngữ này?
* Thực hiện nhiệm vụ : HS thực hành đọc, thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập 1.
* Báo cáo thảo luận: Tùy cách GV
- (1) Đại diện 1-2 nhóm HS trình bày nội dung ở phiếu học tập. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- (2) Cá nhân 1-2 HS trình bày, các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.
* Kết luận: (1), (2) GV nhận xét, đánh giá sản phẩm học tập của HS. Trên cơ sở phần trả lời của HS, GV hướng dẫn học sinh lưu ý các từ khóa ở phần Tri thức Ngữ văn có liên quan đến thể loại phóng sự, hồi kí.
- GV có thể thu 1 vài phiếu học tập của nhóm đôi để lấy điểm thường xuyên/điểm cộng.
HS sau khi điều chỉnh theo kết luận của GV gắn PHT vào vở.</td>
<td>mật :
- Giống nhau:
+ Đều là phương tiện giao tiếp
+ Tồn tại ở 2 dang: nói và viết
- Khác nhau
<table>
<tr><th>Ngôn ngữ trang trọng</th><th>Ngôn ngữ thân mật</th></tr>
<tr><td>- Phạm vi giao tiếp: có tính nghi thức.
- Đầy đủ thành phần; có thể tổ chức theo cấu trúc tầng bậc phức tạp
- Sắc thái: lịch sự, tôn trọng</td><td>- Phạm vi giao tiếp: thường ngày.
- Có thể sử dụng tiếng lóng, biệt ngữ, từ địa phương
- Sắc thái: gần gũi, thân thiện.</td></tr>
</table></td>
</tr>
</table>

Hoạt động 2: Đọc văn bản

2.1. Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Vận dụng kĩ năng đọc để đọc hiểu nội dung VB; chuẩn bị thông tin cho việc trả lời các câu hỏi phần Đọc văn bản, về tác giả, tác phẩm

b. Nội dung: Các câu hỏi trong ô chỉ dẫn; hoàn thành PHT2

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh theo mẫu hướng dẫn

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của Gv và Hs</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr>
<td>* Chuyển giao nhiệm vụ
(1) Ở nhà, cá nhân học sinh
- Đọc trực tiếp VB. Khi đọc, HS cần chú ý sự xuất hiện của các thẻ đọc định hướng cách tiếp cận nội dung VB ở từng vị trí phù hợp và hoàn thành thẻ đọc theo gợi ý
<table>
<tr><th>STT</th><th>Thẻ đọc</th><th>Câu hỏi gợi ý</th><th>Nội dung trả lời của HS</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Chú ý cách tác giả dẫn dắt vào không gian của câu chuyện</td><td>- Cách tác giả dẫn dắt vào không gian của câu chuyện có điểm gì đáng chú ý?
- Nêu ý nghĩa của cách dẫn dắt này.</td><td></td></tr>
<tr><td>2</td><td>Việc đan xen giữa yếu tố miêu tả, tự sự và ngôn ngữ đối thoại có hiệu quả như thế nào?</td><td>- Chỉ ra yếu tố miêu tả, yếu tố tự sự, ngôn ngữ đối thoại trong đoạn văn.
- Việc đan xen những yếu tố này có hiệu quả như thế nào?</td><td></td></tr>
<tr><td>3</td><td>Chú ý cách kể, miêu tả chi tiết cùng thủ pháp "gây tò mò" về quá trình băm thịt gà.</td><td>Sự kết hợp cách kể, tả cùng thủ pháp "gây tò mò" về quá trình băm thịt gà có tác dụng gì?</td><td></td></tr>
<tr><td>4</td><td>Các chi tiết miêu tả động tác, âm thanh khi băm thịt gà có tác dụng gì?</td><td>Trả lời như câu hỏi trong thẻ đọc 4</td><td></td></tr>
<tr><td>5</td><td>Đoạn kết tạo ấn tượng như thế nào cho người đọc?</td><td>Trả lời như câu hỏi trong thẻ đọc</td><td></td></tr>
</table>
- Tìm hiểu những thông tin cơ bản về tác giả Ngô Tất Tố, tác phẩm "Việc làng" và đoạn trích "Nghệ thuật băm thịt gà". Hoàn thành phiếu HT 2 về thông tin tác giả, tác phẩm.</td>
<td>I. Tìm hiểu chung:
<table>
<tr><th colspan="2">PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2
TÌM HIỂU VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM, ĐOẠN TRÍCH</th></tr>
<tr><td>1. Tác giả</td><td>a. Vài nét về cuộc đời: Ngô Tất Tố (1893 - 1954): là nhà Nho, dịch giả, nhà nghiên cứu triết học, văn học cổ
b. Sáng tác:
- Là nhà báo, nhà văn có lối viết mới mẻ, sức viết dồi dào.
- Phong cách nghệ thuật: là nhà văn hiện thực xuất sắc chuyên viết về nông thôn và người nông dân VN
- Tác phẩm tiêu biểu: SGK/44</td></tr>
<tr><td>2. Tác phẩm</td><td>- Bối cảnh ra đời: Nông thôn VN đầu thế kỉ XX
- Thể loại: Phóng sự, gồm 17 chương
- Nội dung chính: Phơi bày những hủ tục nhiêu khê, quái gở ở nông thôn và hậu quả nghiêm trọng của nó</td></tr>
<tr><td>3. Đoạn trích</td><td>- Vị trí: Thuộc chương IV của phóng sự "Việc làng"
- Nội dung chính: tái hiện cảnh "chửa hàng xóm" ở thôn quê, nổi bật là cảnh mổ làng băm thịt gà.</td></tr>
</table></td>
</tr>
</table>

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 TÌM HIỂU VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM, ĐOẠN TRÍCH	
1. Tác giả	a. Vài nét về cuộc đời b. Sáng tác:
2. Tác phẩm	- Bối cảnh ra đời - Thể loại: - Nội dung chính:
3. Đoạn trích	- Vị trí: - Nội dung chính:

(2) Trên lớp, GV tổ chức cho HS đọc to văn bản ở một số đoạn tiêu biểu. Sau đó, GV tổ chức cho HS trao đổi theo cặp về nội dung trong bảng TRONG KHI ĐỌC để nắm nội dung cơ bản của văn bản và giới thiệu một só thông tin về tác giả, tác phẩm, đoạn trích.

*** Thực hiện nhiệm vụ :** HS làm việc cá nhân ở nhà.

*** Báo cáo kết quả:** Đại diện cá nhân HS trả lời, HS khác lắng nghe và bổ sung.

*** Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét đánh giá sản phẩm của hs, chuẩn hóa kiến thức.

Thu 05 thẻ đọc của học sinh để lấy điểm thường xuyên số 1.

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Tìm hiểu, phân tích các đặc điểm nội dung và nghệ thuật của phóng sự "Nghệ thuật băm thịt gà", từ đó hình thành tri thức và phát triển kĩ năng đọc hiểu thể loại phóng sự

b. Nội dung: HS đọc, trả lời các câu hỏi sau khi đọc/SGK.45

c. Sản phẩm: Câu trả lời và các phiếu học tập đã hoàn thành của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<u>Nhiệm vụ 1</u>. Tìm hiểu nội dung và trình tự kể chuyện * **Chuyển giao nhiệm vụ**: HS đọc câu hỏi 1,2 SGK/45; làm việc nhóm 6HS/nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn *** Thực hiện nhiệm vụ**: Hs thảo luận, trả lời câu hỏi trên bảng phụ hoặc giấy A4. *** Báo cáo thảo luận**: Các nhóm treo sản phẩm lên bảng, đại diện 1-2 nhóm trình bày, các nhóm khắc lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu cần). *** Kết luận, nhận định**: GV nhận xét đánh giá sản phẩm của hs, chuẩn hóa kiến thức.	**II. Khám phá văn bản** **2.1. Nội dung và trình tự kể chuyện** *a. Nhan đề và nội dung chính*: - Nhan đề: "Nghệ thuật băm thịt gà" + Nghệ thuật: gắn với người nghệ sĩ. + Băm thịt gà: gắn với sự việc đời thường. → Hé lộ nội dung sẽ được đề cập: gợi sự bất thường, tạo ấn tượng châm biếm, mỉa mai; gợi sự tò mò, hấp dẫn người đọc - Nội dung: phản ánh một tập tục có thật ở làng quê Bắc bộ "chứa hàng xóm" và việc "chia chác cỗ theo việc làng". *b. Các sự việc chính*:

<u>Nhiệm vụ 2</u>: Tìm hiểu hiện thực được phản ánh

*** Chuyển giao nhiệm vụ**: HS thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi 3/SGK 45 theo gợi ý.

PHT số 3 Tìm hiểu hiện thực được phản ánh		
Bối cảnh diễn ra câu chuyện	Cảnh anh mõ làng băm thịt gà	Nhận xét

*** Thực hiện nhiệm vụ**: Hs thảo luận, hoàn thành phiếu học tập

*** Báo cáo thảo luận**: Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

*** Kết luận, nhận định**: GV nhận xét đánh giá sản phẩm của hs, chuẩn hóa kiến thức

Nhiệm vụ 3. Tìm hiểu đặc sắc nghệ thuật của phóng sự "Nghệ thuật băm thịt gà"

*** Chuyển giao nhiệm vụ**: HS thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi 4,5/SGK 45 theo gợi ý.

PHT số 4 Đặc sắc nghệ thuật	
Vai trò của ngôi kể	Giọng điệu

2.2. Hiện thực được phản ánh

Bối cảnh diễn ra câu chuyện	Cảnh anh mõ làng băm thịt gà	Nhận xét
- Sáng sớm. - Mấy ông cụ già khăn áo chỉnh tề. - Người đến mỗi lúc một đông: già có, trẻ có, đứng bóng có; gường phản chật hết; hàng xóm vẫn lục tục kéo đến… - Nguyên liệu làm 23 mâm cỗ cho 83 người: một mâm xôi + 1 con gà + hai chai rượu.	- Lòng gà: bày vào 10 đĩa, không đĩa nào thiếu một thứ nào. - Sỏ gà pha năm, miếng nào cũng dính 1 tí mỏ. - Phao gà pha bốn, miếng nào cũng có đầu bầu, đầu nhọn. - Hai chiếc cánh gà chặt làm 10 miếng - Mình gà: băm làm 92 miếng; không giập nát, không bong da, giống như tập con cánh bướm… → Miêu tả một cánh tỉ mỉ, chi tiết từng động tác của anh mõ khi băm thịt gà (tr.43). Băm thịt gà như một nghệ thuật đã thực hiện từ lâu đời.	→ Hiện thực được phản ánh: tập tục chia phần khủng khiếp ở nông thôn Việt Nam xưa "một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp"

2.3. Đặc sắc nghệ thuật:

Vai trò của ngôi kể	Giọng điệu

Xác định ngôi kể	Vai trò	Xác định giọng điệu kể	Các yếu tố tạo nên giọng điệu
Nhận xét chung:			

*** Thực hiện nhiệm vụ**: Hs thảo luận, hoàn thành phiếu học tập

*** Báo cáo thảo luận**: Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

*** Kết luận, nhận định**: GV nhận xét đánh giá sản phẩm của hs, chuẩn hóa kiến thức

Ngôi kể	Vai trò	Giọng điệu	Yếu tố tạo nên giọng điệu
Người kể ngôi thứ nhất, tận mắt chứng kiến.	- Đáp ứng yêu cầu cốt lõi của thể loại phóng sự, đó là tính chân thực. Người kể trực tiếp thể hiện giọng điệu, đưa ra những lời nhận xét và miêu tả chi tiết tỉ mỉ, từ đó thể hiện thái độ phê phán của mình đối với một việc làng đầy phiền toái.	Giọng điệu hài hước, châm biếm, phê phán sâu cay: + Miêu tả tỉ mỉ cảnh mọi người ùn ùn kéo đến dự lệ làng. + Lời trữ tình ngoại đề: Con gà làm được hai chục mâm cỗ, thật là một kì công; Tôi chịu lắm, và tôi muốn dâng cho ông Mới ấy cái chức nghệ sĩ… + Miêu tả chi tiết, cận cảnh cảnh anh mõ chia phao câu, sỏ gà...	+ Lối quan sát, ghi chép tỉ mỉ, chân thực đã khái quát, châm biếm một hiện tượng điển hình của xã hội nông thôn Việt Nam xưa. + Cách miêu tả và xây dựng nhân vật anh mõ làng thuần thục, điêu luyện trong việc băm thịt gà bằng cái nhìn khách quan nhưng có ý nghĩa phê phán sâu sắc. + Cách sử dụng ngôn ngữ miêu tả cùng với những lời trữ tình ngoại đề đầy thán phục nhưng không phải là lời ngợi ca tài năng và nghệ thuật mà là lời châm

<table>
<tr>
<td rowspan="2">
<u>Nhiệm vụ 4</u>. Tìm hiểu Chủ đề tư tưởng, thông điệp
* Chuyển giao nhiệm vụ: HS thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi 6/SGK 45 theo gợi ý.
<table>
<tr><th>PHT số 5
Chủ đề tư tưởng, thông điệp</th></tr>
<tr><td>1. Xác định chủ đề, cảm hứng chính, thông điệp tác giả gửi gắm qua đoạn trích.
- Chủ đề:……
- Cảm hứng chính: ……
- Thông điệp:……</td></tr>
<tr><td>2. Theo em, những nội dung tác giả đề cập có còn có ý nghĩa với thực tiễn hiện nay không? Vì sao?
……</td></tr>
</table>
* Thực hiện nhiệm vụ: Hs thảo luận, hoàn thành phiếu học tập
* Báo cáo thảo luận: Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.
* Kết luận, nhận định: GV nhận xét đánh giá sản phẩm của hs, chuẩn hóa kiến thức
</td>
<td></td><td></td><td></td><td>biếm về hủ tục chia phần khủng khiếp ở làng quê Việt Nam xưa.</td>
</tr>
<tr>
<td colspan="4">
Nhận xét chung: Cái nhìn chân thực của tác giả về hiện thực xã hội nông thôn VN trước 1945 → Tính chiến đấu: phản bác nhận thức sai lệch bởi những hủ tục nặng nề.
2.4. Chủ đề, tư tưởng, thông điệp
- Chủ đề: Hủ tục chia chác cỗ trong việc làng trước kia ở làng quê Việt Nam.
- Cảm hứng chủ đạo: Cảm hứng phê phán, châm biếm đối với những hủ tục ở làng quê.
- Thông điệp:
+ Không nên để những hủ tục ảnh hưởng đến đời sống của con người.
+ Cần có những thái độ và hành vi đúng đắn để mộ mặt nông thôn mới ngày càng phát triển, không còn những “nghệ thuật” và “nghệ sĩ” phi lý, phản cảm.
</td>
</tr>
</table>

2.3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Khái quát đặc điểm cơ bản của thể loại phóng sự, cách đọc phóng sự

b. Nội dung: Giá trị của văn bản và những chú ý khi đọc văn bản phóng sự văn học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
*** Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giao nhiệm vụ: Từ việc khám phá văn bản “Nghệ thuật băm thịt gà”, hãy nêu ánh giá chung giá trị của văn bản ở các phương diện: + Một số đặc điểm của phóng sự trong văn bản. + Cách đọc văn bản phóng sự. *** Thực hiện nhiệm vụ:** Cá nhân HS suy nghĩ, đánh giá chung và rút ra những điều cần chú ý khi đọc văn bản phóng sự. *** Báo cáo thảo luận:** HS trình bày nhận định, HS khác lắng	**III. Tổng kết** **3.1. Một số đặc điểm của phóng sự:** - *Tính thời sự*: Tác giả tái hiện một hiện tượng diễn ra trong đời sống nông thôn Việt Nam lúc bấy giờ, qua đó tác động đến nhận thức của con người trong xã hội đương thời. - *Tính xác thực*: Ghi chép chân thực, chi tiết, tỉ mĩ. - *Tính thẩm mĩ*: Thể hiện dấu ấn phong cách cá nhân của tác giả trong bút pháp mêu tả, sử dụng ngôn ngữ, lời trữ tình ngoại đề giàu hình ảnh, cảm xúc. **3.2. Cách đọc văn bản phóng sự:** - Xác định được hiện thực được phản ánh - Tập trung vào đặc trưng của thể loại:

nghe, bổ sung. *** Kết luận, nhận định:** GV nhận xét đánh giá sản phẩm của HS, chuẩn hóa kiến thức.	+ Tính thời sự. + Tính xác thực. + Tính thẩm mĩ. - Các phương tiện ngôn ngữ, phương thức biểu đạt. - Lưu ý cách tả, kể, thái độ của tác giả đối với hiện thực được phản ánh. - Nét riêng của tác giả, đóng góp của người viết đối với thể loại ⇨ Kết nối giữa: tác giả - văn bản - người đọc

3. <u>Hoạt động luyện tập</u>

a. Mục tiêu: HS rèn các kĩ năng đọc và viết qua hoạt động kết nối đọc - viết; vận dụng kiến thức đã học viết đoạn văn (khoảng 150 chữ).

b. Nội dung: Đoạn văn về cảm xúc, suy nghĩ của bản thân.

c. Sản phẩm: Bài làm của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
*** Chuyển giao nhiệm vụ:** viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận về một khía cạnh nội dung hoặc nghệ thuật của văn bản "Nghệ thuật băm thịt gà" *** Thực hiện nhiệm vụ:** GV hướng dẫn các viết, HS viết đoạn văn tại nhà Hướng dẫn hs chọn một khía cạnh nôi dung (câu chuyện lệ làng, cảnh băm thịt gà,..) hoặc nghệ thuật (cách quan sát, ghi chép tại chỗ, nghệ thuật miêu tả nhân vật, giọng điệu hài hước, châm biếm,..) để triển khai đoạn văn. - Gợi ý cách trển khai: + Giới thiệu khía cạnh đối tượng được lựa chọn làm đề tài cho đoạn văn. + Nêu vị trí, phân tích được ý nghĩa của khía cạnh đó trong việc làm nên giá trị nội dung hoặc nghệ thuật của bài phóng sự. + Nhấn mạnh đặc điểm của thể loại phóng sự được thể hiện qua khía cạnh vừa phân tích. *** Báo cáo thảo luận:** Hs đọc đoạn văn. *** Đánh giá kết quả thực hiện:** hs khác nhận xét, gv nhận xét chất lượng đoạn văn.	Đoạn văn hoàn chỉnh của học sinh.

4. <u>Hoạt động vận dụng</u>

a. Mục tiêu: Nhận biết được một số nội dung chính của VB; Liên hệ, kết nối với VB "Nghệ thuật băm thịt gà"

b. Nội dung: Tìm đọc ít nhất 2 tác phẩm thuộc thể loại phóng sự và chỉ ra đặc điểm của thể loại phóng sự thể hiện qua văn bản.

c. Sản phẩm: Bảng nhật kí đọc phóng sự của HS

d. Tổ chức thực hiện:

**** Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

- GV yêu cầu HS thực hiện các nhiệm vụ sau: Tìm đọc ít nhất 2 tác phẩm thuộc thể loại phóng sự. Thời gian thực hiện: 1 tuần
- GV yêu cầu HS đọc, ghi chép lại những suy nghĩ ban đầu của bản thân về văn bản. Sau đó, chia sẻ với bạn.

- Sau thời gian 1 tuần, GV thu sản phẩm học tập để nhận xét, đánh giá; GV có thể yêu cầu HS đưa lên Padlet để cùng chia sẻ, trao đổi.

NHẬT KÍ ĐỌC PHÓNG SỰ			
STT	Tên tác phẩm - tác giả	Đặc điểm của phóng sự qua văn bản	
		Suy nghĩ ban đầu của tôi	Suy nghĩ sau khi trao đổi với bạn
1			
2			
…			

**** Thực hiện nhiệm vụ.*** HS thực hiện nhiệm vụ học tập. HS trao đổi với bạn (cùng lớp, cùng khối, bạn học trên các nhóm học tập…) và ghi chép lại sau khi trao đổi với bạn.

**** Báo cáo thảo luận***

- Nộp sản phẩm: Nộp trên Padlet và nộp trực tiếp cho GV sau 1 tuần
- HS trao đổi, góp ý, đánh giá các sản phẩm học tập của bạn trên Padlet

**** Kết luận, nhận định***

GV và HS đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập trên Padlet

RUBRIC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NHÓM

TIÊU CHÍ	**Mức 1** **CẦN CỐ GẮNG** **(0 - 4 điểm)**	**Mức 2** **ĐÃ LÀM TỐT** **(5 - 7 điểm)**	**Mức 3** **RẤT XUẤT SẮC** **(8 - 10 điểm)**
Hình thức (2 điểm)	**0 điểm** Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	**1 điểm** Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	**2 điểm** Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	**1 - 3 điểm** Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	**4 - 5 điểm** Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 - 2 ý mở rộng nâng cao	**6 điểm** Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	**0 điểm** Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	**1 điểm** Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	**2 điểm** Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ VIẾT ĐOẠN VĂN

NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	**KẾT QUẢ**	
	ĐẠT	**CHƯA ĐẠT**

Mở đoạn	Giới thiệu khía cạnh đối tượng được lựa chọn làm đề tài cho đoạn văn.		
Thân đoạn	Nêu vị trí, phân tích được ý nghĩa của khía cạnh đó trong việc làm nên giá trị nội dung hoặc nghệ thuật của bài phóng sự.		
	Nhấn mạnh đặc điểm của thể loại phóng sự được thể hiện qua khía cạnh vừa phân tích.		
Kết đoạn	Nhận xét, đánh giá		
Trình bày, diễn đạt	Sắp xếp ý hợp lý		
	Diễn đạt mạch lạc, rõ ràng; liên kết ý/câu chặt chẽ, từ ngữ phù hợp		

IV. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Hướng dẫn tự học bài cũ: Hs hoàn thiện phần Luyện tập, Vận dụng**.**

2. Chuẩn bị bài mới: "Bước vào đời".

Tiết: 70,71,72 - VĂN BẢN 2: BƯỚC VÀO ĐỜI

(Trích *Nhớ nghĩ chiều hôm* – Đào Duy Anh)

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực.

- Học sinh nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hồi kí thể hiện trong văn bản Bước vào đời của tác giả Đào Duy Anh: tính phi hư cấu và một số thủ pháp nghệ thuật (miêu tả, trần thuật); sự kết hợp của các chi tiết, sự kiện với trải nghiệm, thái độ và đánh giá của người viết;…
- Học sinh rèn luyện kĩ năng phân tích tác phẩm hồi kí (tính phi hư cấu; hiện thực được phản ánh; ý nghĩa cảu văn bản và bài học với người tiếp nhận;…)
- Học sinh vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống để phân tích và đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm kí đối với người đọc và tiến bộ xã hội.
- giải quyết được vấn đề và sáng tạo (phân tích và đề xuất được các giải pháp một cách linh hoạt khi giải quyết vân đề).

2. Phẩm chất.

Biết trân trọng những quyết định, hành động hướng về lí tưởng cao đẹp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, bảng, bảng phụ, máy tính, dụng cụ khác nếu cần.

2. Học liệu: SGK, SGV Ngữ văn 12, tập hai, tranh ảnh về tác giả Đào Duy Anh hoặc tài liệu liên quan đến tác phẩm Nhớ nghĩ chiều hôm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh huy động tri thức và trải nghiệm liên quan đến bài học; tạo tâm thế thoải mái, chủ động để kết nối với văn bản. `

b. Nội dung thực hiện: HS thảo luận về định hướng nghề nghiệp và cuộc sống tương lai thông qua các câu hỏi gợi ý của GV:

- Em dự định sẽ thi ngành gì? Những yếu tố nào ảnh hưởng tới lựa chọn của em?

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS. GV định hướng kết quả trả lời: Một số yếu tố tác động đến sự lựa chọn hướng đi tương lai của mỗi người như: năng lực và sở trường của bản thân, hoài bão cá nhân, xu hướng xã hội, sự tác động của các yếu tố khác (gia đình, những tấm gương thành công..)

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập: GV đặt câu hỏi

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh thực hiện nhiệm vụ, trao đổi theo cặp. GV quan sát, điều hành lớp.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: GV gọi một nhóm HS chia sẻ quan điểm, các nhóm khác lắng nghe, góp ý.

Bước 4. Kết luận, nhận định: Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.

GV có thể kết nối, giúp HS nhớ lại văn bản đọc ở bài 9 (sgk Ngữ văn 10, tập 2 và sgk Ngữ văn 11, tập 2) liên quan đến việc lựa chọn nghề nghiệp, sau đó dẫn vào bài học.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát.

a. Mục tiêu : HS nêu được thông tin cơ bản về học giả Đào Duy Anh, tác phẩm *Nhớ nghĩ chiều hôm* và đoạn trích *Bước vào đời.*

b. Nội dung hoạt động
- HS thực hiện theo yêu cầu của GV.
- HS dựa vào SGK và tìm hiểu Internet đển nắm được thông tin.
- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV chia HS thành 4 nhóm, yêu cầu HS làm việc tại nhà: + Nhóm 1,2: tìm hiểu thông tin về học giả Đào Duy Anh (tiểu sử, sự nghiệp, tác phẩm tiêu biểu, vị trí) + Nhóm 3,4: Tìm hiểu thông tin về văn bản Bước vào đời (hoàn cảnh sáng tác, thể loại, chủ đề, nhân vật, điểm nhìn của người kể chuyện) - GV yêu cầu HS thuyết trình tại lớp. Riêng phần giới thiệu tác giả, GV yêu cầu HS đóng vai. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS tham khảo SGK, nền tảng công nghệ số để thực hiện nhiệm vụ. **B3. Báo cáo thảo luận** Báo cáo kết quả học tập tại lớp. - GV Gọi đại diện nhóm 1, 3 trình bày sản phẩm - Nhóm 2,4 nhận xét, bổ sung. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Giáo viên đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của HS.	**I. TÌM HIỂU CHUNG** **1. Tác giả** - Đào Duy Anh (1904-1988), quê ở tỉnh Thanh Hóa, là học giả có những đóng góp quan trọng trong nhiều lĩnh vực nghiên cứu. Ông được xem là người đặt nền móng cho ngành Khoa học Lịch sử, Khoa học xã hội và nhân văn ở Việt Nam. - Các tác phẩm tiêu biểu: Hán Việt từ điển giản yếu (1932), Việt Nam văn hóa sử cương (1938)… - Học giả Đào Duy Anh được truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh NĂM 2000; được ghi tên vào bộ từ điển Larousse (Pháp) " *Học giả uyên bác với vốn tri thức mang tính KHXH-nhân văn, với tư tưởng lao động khoa học không biết mệt mỏi biểu thị một niềm đam mê, hoài bão lớn và một nghị lực phi thường.* *Một nhà sử học lớn, một nhà văn hóa lớn với công trình nghiên cứu mang tính khai phái, đặt nền móng cho sự hình thành nền Sử học và Văn hóa học hiện đại Việt Nam" (Phan Huy Lê- Khoa Lịch sử, ĐHQG Hà Nội)* **2. Văn bản** **a. Tác phẩm *Nhớ nghĩ chiều hôm*** - Thể loại: hồi kí - Hoàn cảnh sáng tác: Tác phẩm được viết xong năm 1972, hoàn chỉnh vào cuối năm 1974, in lần đầu năm 1989 (NXB Trẻ, TP Hồ Chí Minh). - Nội dung: tác phẩm gồm 30 chương, thuật lại những chặng đường chính trong cuộc đời hoạt động chính trị, văn hóa, khoa học của học giả Đào Duy Anh, đồng thời chứa đựng nhiều suy tư, trăn trở của tác giả về mối quan hệ giữa giới trí thức Việt Nam với dân tộc, về sứ mệnh của thanh niên với tương lai đất nước. **b. Đoạn trích *Bước vào đời*** - Vị trí đoạn trích: đoạn trích thuộc phần đầu cuốn hồi kí, kể về sự kiện đánh dấu giai đoạn "bước vào đời" của tác giả. - Chủ đề: kí ức giai đoạn "bước vào đời" của tác giả Đào Duy Anh.

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: khám phá và hình thành kiến thức về một số đặc điểm nội dung và nghệ thuật của hồi *kí Bước vào đời*, từ đó phát triển kĩ năng đọc hiểu thể loại hồi kí.

b. Nội dung: HS đọc và khám phá văn bản *Bước vào đời* thông qua việc thực hiện các

nhiệm vụ học tập.
- Hoàn thành phiếu đọc:

PHIẾU ĐỌC SỐ 1

Văn bản: *Bước vào đời* (Trích *Nhớ nghĩ chiều hôm* – Đào Duy Anh)

Họ và tên ……..Lớp…….

- Những kí ức của tác giả về giai đoạn "bước vào đời":

Kí ức được tái hiện	**Biểu hiện**	**Nhận xét**
Thời điểm "tôi" dạy học ở Quảng Bình		
" Tôi" được tiếp xúc với các thông tin chính trị, xã hội		
Cuộc gặp gỡ của " tôi" và nhà cách mạng Phan Bội Châu		
"Tôi" sau lễ tang cụ Phan Châu Trinh		

- Cuộc gặp gỡ với cụ Phan Bội Châu, lễ tang cụ Phan Châu Trinh có tác động như thế nào đến suy nghĩ và sự lựa chọn của nhân vật "tôi"?

……
……
……
……

PHIẾU ĐỌC SỐ 2

Văn bản: *Bước vào đời* (Trích *Nhớ nghĩ chiều hôm* – Đào Duy Anh)

Họ và tên ……..Lớp…….

- Nhân vật chính……

- Điểm nhìn của người kể:

+ Câu chuyện được kể từ điểm nhìn:

……
……

+ Ý nghĩa của việc lựa chọn điểm nhìn:

……
……
……
……
……

PHIẾU ĐỌC SỐ 3

Văn bản: *Bước vào đời* (Trích *Nhớ nghĩ chiều hôm* – Đào Duy Anh)

Họ và tên ……..Lớp…….

- Tác dụng của yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn bản trích

Yếu tố	**Biểu hiện**	**Tác dụng**
Miêu tả		
Biểu cảm		

PHIẾU ĐỌC SỐ 4

Văn bản: *Bước vào đời* (Trích *Nhớ nghĩ chiều hôm* – Đào Duy Anh)

Họ và tên ……..Lớp…….

- Tính phi hư cấu của nội dung văn bản:

+ Khái niệm:…… + Biểu hiện của tính phi hư cấu trong văn bản: …… **- Tác dụng của tính phi hư cấu trong văn bản:** …… ……

- HS rút ra bài học về sự lựa chọn hướng đi tronh tương lai.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu câu chuyện "Bước vào đời" **B1: Chuyển giao nhiệm vụ** -GV phát phiếu học số 1, yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi đơn vị kiến thức: các sự kiện trong hành trình bước vào đời của nhân vật "tôi". - Sau khi chỉ ra sự kiện theo trình tự thời gian, các nhóm tiếp tục thảo luận rút ra tác động của các sự kiện với tác giả và thời đại ông đang sống. **B2: Thực hiện nhiệm vụ** Các nhóm đôi thảo luận, thống nhất ý kiến **B3: Báo cáo, thảo luận** Đại diện HS trình bày kết quả thảo luận HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung **B4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chốt kiến thức.	**II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN** **1. Câu chuyện "bước vào đời".** **- Hồi ức về các sự kiện:** + "Tôi" dạy học ở Quảng Bình, nơi hẻo lánh, thành phần trí thức chỉ khoảng "mấy chục người", ngộp thở trong bầu không khí " êm đềm uể oải" và khao khát được đến nơi có "sinh hoạt rộng rãi hơn". + Tới năm 1925, " tôi " được tiếp xúc với các "tin tức có tính chất chính trị" thông qua báo chí (cụ Phan Bội Châu trở về Sài Gòn, Nguyễn An Ninh du học ở Pháp về..). Đời sống chính trị sôi nổi đã tác động và nhắc nhở "tôi" cùng "giới thanh niên" về nhiệm vụ của mình "với sự nghiệp cách mạng mà ông cha còn đang bỏ dở". + Cuộc gặp với nhà hoạt động chính trị yêu nước Phan Bội Châu khiến "tôi" "thao thức không ngủ được", thúc đẩy tôi ngay lập tức " thoát khỏi chốn ao tù để tìm mơi trời cao biển rộng hơn". " Tôi" đã vào Sài Gòn viết báo". + Những lời ca tụng trong bài Văn tế cụ Phan Châu Trinh thúc giục "tôi" làm điều cao cả theo tấm gương của những nhà cách mạng. **- Ý nghĩa:** + Tác giả là một trí thức giàu tinh thần dân tộc, có lí tưởng, hoài bão lớn lao được đặt trong giai đoạn lịch sử đầy biến động. Không khí cách mạng sôi sục góp phần thay đổi tư duy của "tôi", khiến nhân vật từ bỏ cuộc sống "an nhàn, uể oải" để dấn thân theo tấm gương của các nhà cách mạng chân chính. Như vậy, quyết định trọng đại của tác giả trên hành trình "bước vào đời" là kết quả của khát vọng cá nhân và sự tác động của yếu tố thời đại. + Các sự kiện trong hồi ức được kể lại cụ thể, chi tiết theo trình tự thời gian tuyến tính giúp người đọc hình dung rõ nét về đời sống chính trị xã hội Việt Nam giữa thập niên hai mươi của

	thế kỉ XX. Đồng thời, hồi ức của tác giả về các nhân vật, sự kiện lịch sử có thật khẳng định sức ảnh hưởng to lớn của yếu tố thời đại tới suy nghĩ, sự lựa chọn và hành động của "tôi" và đông đảo tầng lớp thanh niên giàu tinh thần dân tộc.
Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích. **B1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV Chia lớp thành 6 nhóm, hướng dẫn HS phân công nhóm trưởng, thư kí. - GV phát phiếu học số 2, 3, 4 cho các nhóm được phân công: + Nhóm 1,2: Hoàn thành phiếu học tập số 2. + Nhóm 3, 4: Hoàn thành phiếu học tập số 3. + Nhóm 5,6: Hoàn thành phiếu học tập số 4. - Thời gian: 7 phút hoàn thiện, 5 phút trình bày. **B2: Thực hiện nhiệm vụ** Các nhóm đôi thảo luận, thống nhất ý kiến, hoàn thiện vào phiếu học tập. **B3: Báo cáo, thảo luận** Đại diện HS nhóm 1,3,5 trình bày kết quả thảo luận HS nhóm 2,4,6 lắng nghe, nhận xét, bổ sung, phản biện (nếu có) **B4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chốt kiến thức.	**2. Đặc sắc nghệ thuật.** **a. Người kể chuyện và điểm nhìn.** **- Người kể chuyện:** ngôi thứ nhất, nhân vật xưng "tôi", trực tiếp kể lại hồi ức về sự thay đổi tư duy và hành động của bản thân dưới sự tác động của thời cuộc và tấm gương các nhà cách mạng chân chính. **- Điểm nhìn:** + Bên trong (cá nhân): dòng hồi ức của nhân vật tôi về các sự kiện lớn đánh dấu bước ngoặt quan trọng của cuộc đời mình. + Bên ngoài (thời đại): bối cảnh chính trị sôi động ở Việt Nam đầu thế kì XX, suy nghĩ và hành động của lớp trí thức trước các vấn đề quan trọng của quốc gia, dân tộc thông qua trải nghiệm cá nhân của nhân vật "tôi". **- Tác dụng:** + Vấn đề được soi chiếu từ nhiều góc độ, vừa có sự chi tiết, chân thực của cảm nhận cá nhân, vừa có sự khách quan, thuyết phục từ bối cảnh xã hội và các nhân vật lịch sử có thật. + Từ điểm nhìn của người kể, người đọc hình dung rõ nét sự trưởng thành trong tư tưởng và hành động của cá nhân, của thế hệ thanh niên, đặc biệt là tầng lớp trí thức dưới sự tác động của thời đại. Sự lựa chọn của nhân vật "tôi" phản ánh suy tư, khát vọng và sự lựa chọn của thế hệ trước sự thôi thúc tự thân và hoàn cảnh xã hội đương thời. **b. Yếu tố miêu tả, biểu cảm.** **- Tác giả sử dụng kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm xuyên suốt văn bản.** + Yếu tố miêu tả: cảnh sinh hoạt khi tác giả dạy học ở Quảng Bình, cảnh cuộc gặp với Phan Bội Châu.. + Yếu tố biểu cảm: kết hợp với yếu tố miêu tả về Phan Bội Châu, đoạn hồi tưởng cảm xúc khi nghe Văn tế cụ Phan Châu Trinh… **- Tác dụng:** + Tạo ấn tượng về các sự kiện, nhân vật, truyền cảm xúc chân thực đến độc giả, giúp tác phẩm sinh động, hấp dẫn, thu hút người đọc. + giúp người đọc cảm nhận rõ nét hành trình đi tìm lí tưởng, thực hiện khát vọng của nhân vật

	cũng là hành trình trưởng thành của người trí thức gắn bó sâu sắc với vận mệnh của quốc gia, dân tộc. Từ đó, người đọc có sự hình dung toàn diện và sâu sắc hơn về nhân vật "tôi" – Đào Duy Anh khi khám phá hồi ức của tác giả. **c. Tính phi hư cấu.** - Tính phi hư cấu: thuật lại sự việc, sự kiện, nhân vật có thật. - Biểu hiện trong văn bản trích: sự kiện tái hiện lại các sự kiện và nhân vật lịch sử trong hoàn cảnh xã hội Việt Nam những năm hai mươi của thế kỉ XX + Đời sống chính trị ảm đạm ở Quảng Bình + Sự xuất hiện của các nhân sĩ yêu nước như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn An Ninh …đã khuấy động không khí chính trị Việt Nam đầu thế kỉ XX. - Tác dụng: + Làm sống lại một cách chân thực quá trình chuyển biến tư tưởng của nhân vật "tôi" và thế hệ của ông trong dòng chảy đầy biến động của lịch sử. + Tác giả chủ động bố trí, sắp xếp sự kiện theo mạch truyện và điểm nhìn để tăng tính hấp dẫn.
Nhiệm vụ 3: Chỉ ra cách đọc văn bản hồi kí. **B1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV áp dụng kĩ thuật khăn trải bàn, chia lớp thành các nhóm (4 người/ nhóm). Yêu cầu mỗi HS trong nhóm chỉ ra một đặc điểm của thể kí được thể hiện trong văn bản. - Từ các đặc điểm của thể kí trong văn bản, GV yêu cầu HS rút ra cách đọc văn bản hồi kí. **B2: Thực hiện nhiệm vụ** Các nhóm đôi thảo luận, thống nhất ý kiến, hoàn thiện vào phiếu học tập. **B3: Báo cáo, thảo luận** Đại diện HS trình bày kết quả thảo luận HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung	**3. Cách đọc văn bản hồi kí** **a. Đặc trưng của thể kí.** - Đoạn trích thể hiện rõ nét đặc trưng của thể kí: tính phi hư cấu; sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa các yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận; thời gian tuyến tính… - Người kể chuyện ngôi thứ nhất, trực tiếp tiếp nhận, tái hiện hiện thực và "lọc" qua cái nhìn chủ quan của cá nhân; điểm nhìn linh hoạt, thay đổi bất ngờ… - Ngôn ngữ trong sáng, gần gũi, giàu chất trí tuệ. **b. Cách đọc văn bản hồi kí** **Bước 1:** Tìm hiểu thông tin về tác giả, tác phẩm (hoàn cảnh ra đời, xuất xứ của tác phẩm). **Bước 2:** Đọc văn bản và xác định bố cục của văn bản. **Bước 3:** Tìm hiểu văn bản - Xác định ngôi kể, điểm nhìn, khái quát trình tự sự kiện, bối cảnh xã hội; sự kết hợp của các yếu tố miêu tả, biểu cảm, ….trong văn bản. - Phân tích vai trò, tác dụng của từng yếu tố trong việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của văn bản. **Bước 4:** Đánh giá tổng kết giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của văn bản; nhận xét về đặc

B4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức. **Nhiệm vụ 4: Bài học** **B1: Chuyển giao nhiệm vụ** GV yêu cầu HS làm việc cá nhân: Rút ra bài học về sự lựa chọn hướng đi trong tương lai Gợi ý: đối tượng lựa chọn, các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định của cá nhân khi lựa chọn hướng đi.. **B2: Thực hiện nhiệm vụ** Các nhóm đôi thảo luận, thống nhất ý kiến, hoàn thiện vào phiếu học tập. **B3: Báo cáo, thảo luận** Đại diện HS trình bày kết quả thảo luận HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung **B4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chốt kiến thức.	điểm phong cách của nhà văn. *Lưu ý điểm đặc biệt của hồi kí:* Câu chuyện cuộc đời cá nhân được kể lại trung thực theo trình tự thời gian, gắn chặt với bối cảnh lịch sử, xã hội. Qua góc nhìn của người kể chuyện, người đọc cảm nhận sâu sắc sự thay đổi trong nhận thức cá nhân và sự biến đổi thế hệ trong dòng chảy lịch sử bất tận. **3. Bài học.** - Đối tượng lựa chọn: công việc, nghề nghiệp, lí tưởng,… - Điều kiện lựa chọn: + Bản thân: khả năng, trí tuệ, mong muốn, sở trường… + Hoàn cảnh: điều kiện kinh tế, cơ hội việc làm, yếu tố gia đình, xã hội.. - Liên hệ: thanh niên thế hệ mới cần suy nghĩ về con đường tương lai để có thể phát triển bản thân, phụng sự đất nước.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Rèn kĩ năng đọc và viết thông quá hoạt động kết nối đọc- viết

b. Nội dung

- GV giao HS viết đoạn văn ngắn theo yêu cầu. Thời gian: 10 phút
- Cụ thể: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) về chủ đề: Khát vọng tuổi trẻ hôm nay.

c. Sản phẩm: Bài làm hoàn chỉnh của HS: đoạn văn 150 chữ

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) về chủ đề: Khát vọng tuổi trẻ hôm nay. **B2: Thực hiện nhiệm vụ** - GV quan sát, hướng dẫn HS và điều hành lớp học. - Yêu cầu: Học sinh suy nghĩ độc lập và hoàn thành bài viết. - Thời gian: 10 phút **B3: Báo cáo thảo luận** - Hs chia sẻ bài viết, phản biện và trao đổi **B4: Kết luận, nhận định:** - Gv khuyến khích Hs chia sẻ những bài học sáng tạo, thú vị. - Nhận xét và kết luận.	– Để viết đúng yêu cầu, người viết cần làm sáng tỏ một số khía cạnh: + Nêu vấn đề nghị luận + Vấn đề được biểu hiện qua những phương diện/ khía cạnh nào? + Liên hệ vấn đề - Gợi ý nội dung: + Cảm nhận về khao khát của lớp thanh niên trong văn bản trích của Đào Duy Anh + Đặt vấn đề trong tương quan xã hội hiện đại + Nêu thông điệp và bài học đối với cá nhân trong việc lựa chọn hướng đi cho cuộc đời mình.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: vận dụng kiến thức, kĩ năng để thực hành đọc hiểu một văn bản hồi kí.

b. Nội dung: Thực hành đọc hiểu văn bản Vĩ tuyến 17 (Trích Gánh gánh..gồng gồng..-

Xuân Phượng) trong sgk Ngữ văn 12, tập 2(tr 59- 62)

c. Sản phẩm:

- Nội dung đọc hiểu văn bản Vĩ tuyến 12 của học sinh.
- Phiếu ghi chép:

Phiếu ghi chép về văn bản Vĩ tuyến 17		
Đối tượng	**Biểu hiện**	**Nhận xét**
Người kể chuyện		
Điểm nhìn		
Các yếu tố thời gian, không gian, sự kiện		
Hiện thực đời sống được phản ánh trong văn bản		
Yếu tố miêu tả, biểu cảm xuất hiện trong văn bản		
Cảm xúc cá nhân và văn phong của tác giả		
….		

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	**Dự kiến sản phẩm**
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV giao nhiệm vụ: GV chia lớp học thành 4 nhóm, giao chung nhiệm vụ: hoàn thành phiếu ghi chép về văn bản Vĩ tuyến 17 **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc ở nhà **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** GV yêu cầu mỗi nhóm cử 1 HS đại diện trình bày sản phẩm Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện Học sinh trình bày phần bài làm của mình vào tiết sau. **Bước 4. Kết luận, nhận định** GV chốt lại các sản phẩm đạt yêu cầu, lựa chọn các sản phẩm tốt để cho điểm khuyến khích.	Các nhóm trình bày sản phẩm

4. Củng cố:

5. HDVN:

- Tìm đọc một số tác phẩm hồi kí. (Cát bụi chân ai – Tô Hoài; Hồi kí của đại tướng Võ Nguyên giáp..)
- Chuẩn bị bài Thực hành tiếng Việt : Ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật.

PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết 73 NGÔN NGỮ TRANG TRỌNG VÀ NGÔN NGỮ THÂN MẬT.

Thời gian thực hiện: 01 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức: Hiểu được đặc điểm của ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật; cách sử dụng ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật trong đời sống.

2. Về năng lực: Hs vận dụng được những kiến thức, kĩ năng về ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật một cách hiệu quả trong các hoạt động giao tiếp của cá nhân

3. Về phẩm chất: Có ý thức sử dụng ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật hiệu quả trong thực tiễn giao tiếp

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, phiếu học tập…

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Huy động các kiến thức của HS để nhận biết về ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật.

b. Nội dung: Cho hs xem video thời tiết trên truyền hình: bản tin thời tiết và trao đổi về thời tiết.

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: HS xem video về thời tiết trong 2 tình huống và nhận xét về việc sử dụng ngôn ngữ. -Tình huống 1. Bản tin Dự báo thời tiết trên truyền hình. -Tình huống 2. Đoạn hội thoại về tình hình thời tiết.. Nhận xét sự giống và khác nhau về nội dung, hoàn cảnh, ngôn ngữ giao tiếp của tình hướng trên. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh suy nghĩ cá nhân **B3. Báo cáo thảo luận:** Học sinh phát biểu ý kiến, hs khác nhận xét bổ sung. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Gv nhận xét, chốt kiến thức, dẫn vào bài mới	-Tình huống 1. Sử dụng ngôn ngữ trang trọng. -Tình huống 2. Sử dụng ngôn ngữ thân mật**.**

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Chỉ ra được đặc điểm của ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật, cách sử dụng ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật trong các tình huống giao tiếp.

b. Nội dung: Đọc lại phần Tri thức Ngữ văn và hoàn thành các yêu cầu của giáo viên đưa ra, giải quyết các bài tập trong SGK

c. Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS**.**

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
I. NHẬN BIẾT NGÔN NGỮ TRANG TRỌNG VÀ NGÔN NGỮ THÂN MẬT	

B1. Chuyển giao nhiệm vụ.
- Dựa vào nội dung của 2 video phần đọc hiểu, hs điền thông tin để hoàn thiện bảng so sánh, từ đó rút ra kết luận về ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật.
- HS làm việc cặp đôi
- Hs làm nhanh bài tập 1 để củng cố kiến thức.

B2. Hs thực hiện nhiệm vụ:
HS cùng nhau thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ.

B3. Báo cáo thảo luận
Gọi HS trình bày, HS khác nhận xét bổ sung.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét, chốt và nhấn mạnh kiến thức

Bảng so sánh:

I. NHẬN BIẾT NGÔN NGỮ TRANG TRỌNG VÀ NGÔN NGỮ THÂN MẬT

Căn cứ	Ngôn ngữ trong video 1	Ngôn ngữ trong video 2
1. Hoàn cảnh giao tiếp.	Truyền hình (tính nghi thức).	Ngoài chợ (thường ngày, dân dã).
2. Ngôn ngữ giao tiếp.	Chuẩn mực, trang trọng, câu đầy đủ thành phần.	Tiếng lóng, từ địa phương, câu rút gọn
3. Nhân vật giao tiếp.	Trang nhã, lịch sự.	Thân mật, gần gũi
	Ngôn ngữ trang trọng	Ngôn ngữ thân mật

Bài tập 1.

a. Ngôn ngữ trang trọng: vì ngữ cảnh giao tiếp nghi thức giữa lãnh đạo công ty và đối tác của công ty trong lần gặp gỡ nhau. Lời chào thể hiện thái độ xã giao. Câu văn có đầy đủ thành phần.

b. Ngôn ngữ thân mật: vì ngữ cảnh giao tiếp thường ngày, bạn bè làm quen với nhau. Lời chào thể hiện thái độ thân thiện. Có câu được sử dụng là câu đặc biệt.

II. SỬ DỤNG NGÔN NGỮ TRANG TRỌNG VÀ NGÔN NGỮ THÂN MẬT

B1. Chuyển giao nhiệm vụ
- Nhiệm vụ 1. Hs hoàn thiện phiếu học tập bằng cách điền từ và nối từ. Từ đó, rút ra lưu ý khi sử dụng ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật.
- Nhiệm vu 2. Làm bài tập 2, 3 trong SGK: Chỉ ra điểm giống và khác nhau trong các trường hợp.
- Chia lớp thành 4 nhóm
+ Nhóm 1,2 thực hiện Nv 1
+ Nhóm 3,4 thực hiện Nv 2

B2. Thực hiện nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1:

II. SỬ DỤNG NGÔN NGỮ TRANG TRỌNG VÀ NGÔN NGỮ THÂN MẬT

Ngữ cảnh và thái độ GT	Ngữ liệu	Dạng ngôn ngữ
Trong cuộc họp – thân mật	1. Các bạn đều biết quy định về việc sử dụng điện thoại trong cuộc họp đúng không?	Nói
Trong cuộc họp – trang trọng	2. Để cuộc họp được bắt đầu, xin đề nghị quý khách cài đặt điện thoại ở chế độ im lặng	
Lời chúc trong bức thư – lịch sự	3. Kính gửi quý khách hàng. Công ty BH chúng tôi xin chúc quý khách hàng năm mới bình an!	Viết
Lời chúc trong bức thư – thân mật	4. Thái Nguyên...Lan ơi! Lâu lắm rồi...Đầu thư, cũng nhân dịp năm mới, chúc bạn bình an nhé!	

Kết luận về việc sử dụng ngôn ngữ trang trọng và thân mật:

Các nhóm cùng nhau thảo luận, đưa ra kết luận **B3. Báo cáo thảo luận** Gọi đại diện nhóm trình bày và nhận xét chéo. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện**: Gv nhận xét, chốt kiến thức.	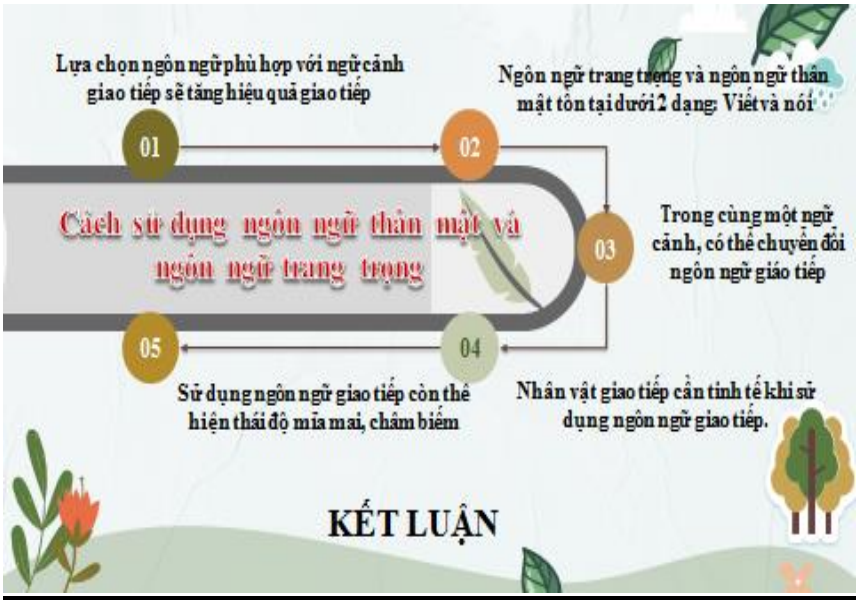 **Nhiệm vụ 2:** **<u>Bài tập 2</u>** a.Trường hợp 1 – Giống nhau: đều là quy định về việc sử dụng điện thoại trong giờ họp. – Khác nhau: + Câu thứ nhất sử dụng ngôn ngữ thân mật, nêu thông tin dưới hình thức một câu hỏi để nhắc nhở người tham gia cuộc họp về việc dùng điện thoại. + Câu thứ hai sử dụng ngôn ngữ trang trọng, nêu trực tiếp quy định sử dụng điện thoại, cách phổ biến lịch sự, nghiêm túc ngay ở đầu cuộc họp. b.Trường hợp 2 – Giống nhau: giới thiệu sự xuất hiện của một nhân vật quan trọng trong hội thảo. – Khác nhau: + Câu thứ nhất dùng cách nói trang trọng, lịch sự (*xin hân hạnh giới thiệu*), giới thiệu trực tiếp (*sự có mặt của diễn giả Phạm Văn B*). + Câu thứ hai dùng ngôn ngữ thân mật, bộc lộ tình cảm của người nói khi giới thiệu (*cùng chào đón nhân vật quan trọng nhất*). c.Trường hợp 3 - Giống nhau: Thông báo một sự kiện chuẩn bị diễn ra. - Khác nhau: + Câu thứ nhất dùng ngôn ngữ thân mật, tiếng lóng (*bật mí)* + Câu thứ hai dùng ngôn ngữ trang trọng, thông báo trực tiếp *(trân trọng thông báo tới toàn thể quý vị, sự kiện quan*

	trọng sắp diễn ra ngay sau đây)

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng được những kiến thức và kỹ năng về ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật trong các nhiệm vụ học tập, vận dụng trong nói và viết.

b. Nội dung: Tổ chức bằng hình thức trò chơi, gồm 2 phần cho 2 đội.

c. Sản phẩm: Kết quả thực hiện của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
II. THỰC HÀNH	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Chia lớp học thành 2 đội chơi. Phần luyện tập vận dụng gồm hai phần thi: * PHẦN THI THỨ 1 AI NHANH TAY HƠN - Một gói 4 câu hỏi. - Trả lời đúng được 10 điểm, sai nhường quyền cho đội bạn. - Đội bạn trả lời đúng bị trừ 5 điểm - Mỗi câu có 10 giây suy nghĩ - trả lời. * PHẦN THI THỨ 2 NÓI VÀ NGHE - 2 đội đọc bài thơ "Ngài và anh, cô và em" của A.S.Puskin. - 2 đội nêu ý kiến và phản biện về vấn đề. - Ban giám khảo nhận xét và chấm điểm. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** 2 đội bàn bạc, thực hiện yêu cầu và đưa ra quyết định **B3. Báo cáo thảo luận:** Đại diện của mỗi đội trình bày, phản biện. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Ban giám khảo và thư kí chấm điểm, ttổng hợp kết quả và công bố.	**Phần 1. Ai nhanh tay hơn** **Câu 1: Ngôn ngữ Trang trọng được dùng trong ngữ cảnh nào?** A. Được dùng trong ngữ cảnh GT thường ngày *B. Được dùng trong ngữ cảnh GT có tính nghi thức* C. Được dùng mọi lúc mọi nơi D. Chỉ được dùng với người lớn tuổi và các sếp **Câu 2. Ngôn ngữ Thân mật được dùng trong ngữ cảnh nào?** A. Được dùng trong ngữ cảnh GT có tính nghi thức B. Dùng để thể hiện chí hướng con người C. Dùng để giáo dục đạo đức con người *A. Được dùng trong ngữ cảnh GT thường ngày* **Câu 3: Ngôn ngữ Trang trọng và ngôn ngữ Thân mật có chung đặc điểm gì ?** A. Cùng sử dụng một dạng ngôn ngữ Viết B. Mang đậm dấu ấn cá nhân *C. Có thể linh hoạt chuyển đổi để phù hợp với mục đích GT* D. Được sử dụng trong một ngữ cảnh nhất định. **Câu 5. Ngôn ngữ Thân mật có tính chất gì?** A. Lịch sự, khuôn mẫu. B. Sử dụng kính ngữ. *C. Thân mật, gần gũi .* D. Tất cả các đáp án trên Phần 2. Nói và nghe: 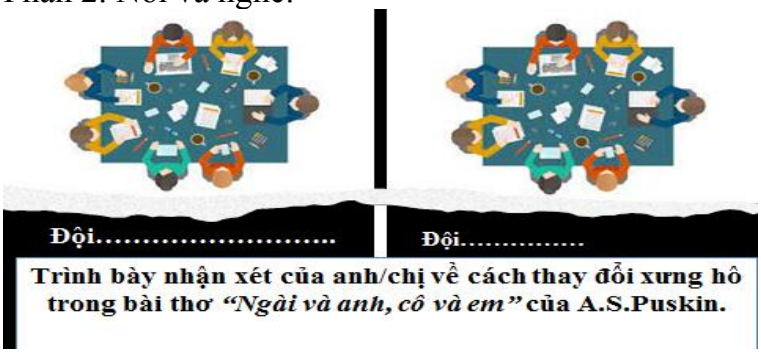

	ĐÁP ÁN *1. Nhân vật trữ tình đã sử dụng ngôn ngữ thân mật và ngôn ngữ trang trọng để thể hiện mục đích giao tiếp, cũng là ý đồ nghệ thuật của tác giả.* *2. Hai nhân vật trữ tình có sự chuyển đổi xưng hô:* ❖ *Người con gái: ngài – lịch sự đến anh – gần gũi* ❖ *Người con trai: cô – xa vời đến em - ấm áp, thân thương.* ➔ *Thể hiện sự vận động tâm trạng, những biến chuyển trong tình yêu của hai nhân vật.*

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được những kiến thức, kĩ năng về ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật trong tình huống thực tiễn liên quan đến giao tiếp cá nhân.

b. Nội dung: Viết đoạn văn ngắn có sử dụng ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật tương ứng với hai tình huống sau:

- Phát biểu cảm nghĩ trong lễ khai giảng.
- Viết lời chúc cho thầy/ cô mà mình yêu quý nhân dịp ngày NGVN 20/11.

c. Sản phẩm: Đoạn văn hoàn chỉnh của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS và yêu cầu HS nghiêm túc thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ ở nhà và nộp lại vào buổi học tiếp theo.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà. GV hỗ trợ, tư vấn từ xa nếu HS cần.

Bước 3 – 4. GV tổ chức cho HS trình bày và kết luận.

HS có thể nộp bài qua phần mềm học tập hoặc nộp trực tiếp vào buổi tiếp theo. GV chọn ra một số bài để đưa ra thảo luận, nhận xét và rút kinh nghiệm cho HS chỉnh sửa. GV kết luận và nhấn mạnh vai trò quan trọng của việc sử dụng ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật theo đúng ngữ cảnh trong thực tế.

4. Củng cố:

- Gv yêu cầu hs nhắc lại những dấu hiệu nhận biết và những lưu ý khi sử dụng của ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật.
- Gv nhận xét và chốt lại kiến thức bằng sơ đồ tư duy.

5. HDVN:

- Học bài và vận dụng hai dạng ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật
- Chuẩn bị phần thực hành viết

PHỤ LỤC 1: Bảng so sánh để nhận biết ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ sinh hoạt

I. NHẬN BIẾT NGÔN NGỮ TRANG TRỌNG VÀ NGÔN NGỮ THÂN MẬT

Căn cứ	*Ngôn ngữ trong video 1*	*Ngôn ngữ trong video 2*
1. Hoàn cảnh giao tiếp.		
2. Ngôn ngữ giao tiếp.		
3. Nhân vật giao tiếp.		

PHỤ LỤC 2. Bảng so sánh để sử dụng ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ sinh hoạt

II. SỬ DỤNG NGÔN NGỮ TRANG TRỌNG VÀ NGÔN NGỮ THÂN MẬT

Ngữ cảnh và thái độ GT	Ngữ liệu	Dạng ngôn ngữ
	1. Các bạn đều biết quy định về việc sử dụng điện thoại trong cuộc họp đúng không?	Nói
	2. Để cuộc họp được bắt đầu, xin đề nghị quý khách cài đặt điện thoại ở chế độ im lặng	
	3. Kính gửi quý khách hàng. Công ty BH chúng tôi xin chúc quý khách hàng năm mới bình an!	Viết
	4. Thái Nguyên...Lan ơi! Lâu lắm rồi...Đầu thư, cũng nhân dịp năm mới, chúc bạn bình an nhé!	

PHỤ LỤC 3. BẢNG ĐIỂM PHẦN THI

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT

NỘI DUNG	ĐỘI 1	ĐỘI 2	TỔNG ĐIỂM
ĐIỂM PHẦN THI 1			
ĐIỂM PHẦN THI 2			
CHUNG CUỘC			

PHẦN 3. VIẾT

Tiết 74,75:

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN BÀN VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI TRẺ

(Cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)

Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Xác định được các bước trong quy trình viết bài văn nghị luận bàn về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)
- Trình bày được đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.
- Có ý thức rèn luyện các kỹ năng, thao tác cần thiết để viết bài và biết cách trình bày ý kiến, quan điểm của cá nhân.

2. Về năng lực:

- Nghe hiểu và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói; biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.
- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học để thực hiện một nhiệm vụ thực tiễn.

3. Về phẩm chất: Biết tôn trọng người đối thoại, hình thành tư duy phản biện; Quan tâm tới người nghe và có thái độ phù hợp khi nói.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: SGK, SGV, STK,

2. Học liệu: Giấy, vở ghi...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: HS nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề ứng xử trong các mối quan hệ xã hội và gia đình, biết cách hành động phù hợp

b. Nội dung: Các mối quan hệ và cách xử lý

c. Sản phẩm: Câu trả lời của hs

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho hs xem clip về một cách ứng xử đẹp (chưa đẹp) trong phạm vi gia đình hoặc xã hội; Trả lời câu hỏi: Những biểu hiện trong gia đình nói trên em có thấy quen mắt không ? có cần phải xem xét và loại bỏ không ? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS xem clip và trả lời câu hỏi **B3. Báo cáo thảo luận:** HS tự do đưa ra câu trả lời **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Tùy thuộc câu trả lời của HS mà nhận xét và dẫn vào bài.	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu các yêu cầu về bài học

a. **Mục tiêu**: Huy động kiến thức của HS về kiểu bài trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, nhận diện và xác định được đề tài bài học
b. Nội dung: Đọc mục yêu cầu trong sgk
c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ **GV:** Hãy cho biết khi trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ trong các mối quan hệ gia đình, xã hội, em cần đảm bảo điều gì? GV: Điểm giống và khác nhau của hai kiểu bài NL ở bài 3(kỳ 1) và bài 7 kỳ 2 ? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Thảo luận ghép đôi **B3. Báo cáo thảo luận:** đại diện trả lời **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, bổ sung sửa chữa	* Yêu cầu cần đảm bảo khi trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội): – Chọn được vấn đề hấp dẫn và có ý nghĩa với tuổi trẻ. – Bày tỏ được quan điểm cá nhân và đưa ra được cách ứng xử đúng đắn, tốt đẹp; kết hợp được các lí lẽ thuyết phục và bằng chứng phù hợp. – Thể hiện được sự đồng cảm, thái độ tôn trọng đối với người khác. *Điểm giống và khác giữa hai kiểu bài viết ở bài 3 và bài 7 là: - Giống: + Cần đảm bảo các yêu cầu chung về kiểu bài NL XH + Cùng là những vấn đề quan trọng liên quan đến tuổi trẻ -Khác: + Bài 3: đề tài là hoài bão ước mơ + Bài 7: là cách ứng xử trong các mối quan hệ, chú trọng đến hành động -> phạm vi vấn đề hẹp hơn.

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo
a. **Mục tiêu**: nhận diện và trả lời được các yêu cầu như vấn đề bàn luận, các luận điểm, lý lẽ và các loại dẫn chứng, các ý kiến trái chiều, cách phản bác các ý kiến trái chiều, những điều có thể bổ sung vào bài viết...
b. Nội dung: Các câu hỏi trong SGK
c. Sản phẩm: Các câu trả lời của HS
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: **GV:** yêu cầu hs đọc văn bản tham khảo, trả lời câu hỏi theo cặp đôi **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Đọc và suy nghĩ, dựa vào nội dung văn bản tìm câu trả lời phù hợp *Tích hợp nội dung giáo dục lí tưởng cách mạng , đạo đức , lối sống *1. Vấn đề được bàn luận trong bài viết là gì?*	**1. Vấn đề được bàn luận trong bài viết**: cách ứng xử cần có trong tình yêu đôi lứa ở xã hội hiện đại **2. Các luận điểm được đưa ra trong bài viết:** – Tuổi trẻ và tình yêu trong xã hội hiện đại. – Những cách ứng xử tiêu cực trong tình yêu. – Những cách ứng xử đúng đắn trong tình yêu(yêu là phải có trách nhiệm với nhau; yêu cả tổ quốc) **3. Những loại lí lẽ, bằng chứng:** – Lí lẽ, bằng chứng lấy từ trong đời sống thực tế: phụ nữ không còn bị phụ thuộc trong tình yêu, tình yêu đẹp được nảy sinh ở trường học của một đôi "anh – chị",… – Lí lẽ bằng chứng lấy từ văn học: Tây Tiến của Quang Dũng, Tôi yêu em của Pu-skin,…

2. Những luận điểm nào được đưa ra trong bài viết? *3. Người viết đã sử dụng những loại lí lẽ, bằng chứng nào?* *4. Ý kiến trái chiều nào đã được phản bác? Lí lẽ và bằng chứng được người viết dùng để phản biện có sức thuyết phục không?* *5. Nếu cần bổ sung luận điểm, em sẽ bổ sung luận điểm nào? Vì sao?* **B3. Báo cáo thảo luận:** đại diện trả lời, các HS khác lắng nghe và bổ sung **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** chốt kiến thức	**4. Ý kiến trái chiều đã được phản bác trong bài viết:** Tình yêu thời hiện đại phải khác so với tình yêu theo quan điểm truyền thống. Điều này dẫn đến những nhận thức lệch lạc, cách ứng xử tiêu cực trong tình yêu. – Lí lẽ và bằng chứng được sử dụng: tình trạng "đến" và "đi" trong tình yêu có chiều hướng dễ dãi, yêu theo "trào lưu", yêu cho khỏi "tụt hậu"; hiện tượng dễ dàng sống thử một cách ngẫu hứng, tuỳ tiện, không cần biết tới ngày mai; cách ứng xử của một số bạn trẻ khi tình yêu không được đáp lại hoặc đổ vỡ, chia li,… – Lí lẽ và bằng chứng dùng để phản biện có sức thuyết phục, làm rõ được những hành vi, phản ứng tiêu cực trong tình yêu. **5. Luận điểm có thể bổ sung và lí giải cho luận điểm đó**. Ví dụ: Sự chung thuỷ sẽ giúp chúng ta có tình yêu đẹp. Vì chung thuỷ là một cách ứng xử quan trọng để giữ gìn và phát triển tình yêu. **6. Yêu cầu:** - Đảm bảo bố cục mở - thân – kết - Áp dụng kiểu bài NLXH đã học để lý giải về chủ đề trên một cách mạch lạc, chính xác, thuyết phục + lý giải về cách ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức và phù hợp ở giai đoạn hiện nay trong tình yêu lứa đôi + biểu hiện khác nhau về ứng xử phù hợp và chưa phù hợp trong tình yêu như: yêu sớm, dễ dãi, tôn trọng, tự trọng, yêu thương, giúp đỡ nhau,…. + nêu các dẫn chứng cụ thể, thuyết phục (những cặp đôi yêu nhau, hỗ trợ nhau trong học tập…; những hậu quả khôn lường khi do dễ dãi khi yêu sớm) + Bài học rút ra cho bản thân học sinh - Hs tiến hành viết bài theo dàn ý

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)

a. **Mục tiêu**: HS xác định được các bước trong quy trình viết bài văn nghị luận bàn về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội); Trình bày được đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ; có ý thức rèn luyện các kĩ năng, thao tác cần thiết để viết bài và biết cách trình bày ý kiến, quan điểm của cá nhân.

b. Nội dung: lựa chọn đề tài, lập dàn ý, xác định được luận điểm, dự kiến được các dẫn chứng, hoàn thiện bài viết theo 3 phần

c. Sản phẩm: bài làm của hs

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuẩn bị viết**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Em sẽ chọn	- Vấn đề tuổi trẻ và các mối quan hệ trong

đề tài có phạm vi như thế nào ? Lấy ví dụ ? Vì sao em chọn đề tài đó? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Cá nhân suy nghĩ và trả lời câu hỏi **B3. Báo cáo thảo luận:** HS trả lời câu hỏi **B4. Đánh giá kết quả thực hiện**: GV nhận xét, đối chiếu với nhan đề, mục tiêu bài học	gia đình ngoài xã hội, cần phải làm gì để xây dựng và phát triển các mối quan hệ đó Ví dụ: cách giải quyết những khác biệt thế hệ trong gia đình; Cách giải quyết những xung đột trong tình bạn; cách tạo thiện cảm cho người khác - Chọn đề tài đó vì nó gần gũi, hấp dẫn đối với lứa tuổi trẻ

*** Tìm ý, lập dàn ý:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV có thể cho HS đề tài: Quan điểm của em về vấn đề xây dựng và phát triển tình bạn đẹp Câu 1: VDD XD và phát triển tình bạn đẹp có cần thiết với hs không? quan điểm cá nhân của bạn? Câu 2: Việc xây dựng và phát triển quan hệ này có giá trị như thế nào ? Câu 3: làm ntn để xây dựng và phát triển mối quan hệ này? Câu 4: Bạn sẽ đưa ra bằng chứng nào để thuyết phục? Câu 5: Nếu có ai đó nói ng để tình bạn không bị rạn nứt, không nên nói về hạn chế khuyết điểm của bạn, cũng không nên chơi với bạn học yếu, bạn nhút nhát, tự ti...ý kiến của bạn như thế nào? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Thảo luận nhóm và tự lập dàn ý sơ lược **B3. Báo cáo thảo luận:** Đại diện các nhóm **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Các nhóm khác nghe, bổ sung sửa chữa và hoàn thiện	**Dàn ý tham khảo:** **Mở bài:** Giới thiệu về vấn đề cần bàn luận: Vấn đề xây dựng và phát triển để có được một tình bạn đẹp **Thân bài:** - Tình bạn đẹp là tình bạn như thế nào? - Ý nghĩa, tầm quan trọng của việc xây dựng và phát triển một tình bạn đẹp: có thể cùng nhau chia sẻ buồn vui, giúp nhau tiến bộ hơn trong học tập và cuộc sống. - Một số cách ứng xử để xây dựng một tình bạn đẹp: + Sống chân thành với nhau + Luôn luôn lắng nghe + Có ứng xử đúng đắn khi xảy ra mâu thuẫn. – Sử dụng lí lẽ và bằng chứng: + Từ thực tiễn cuộc sống + Từ các tác phẩm văn học. Ví dụ: Tình bạn của Bá Nha- Tử Kỳ trong văn học Trung Quốc cổ đại, của Các Mác và Phăng Ăngghen khi hai người hỗ trợ nhau tìm ra học thuyết về CNXH và lãnh đạo phong trào đấu tranh chống CNTB – Phản biện một số quan điểm trái chiều: + Chỉ nói điểm tốt mà không nói điểm hạn chế của bạn + Chỉ chơi với bạn được nhiều người đánh giá là người tốt. **Kết bài:** Khẳng định lại tầm quan trọng của vấn đề và liên hệ tới bản thân.

*** Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện**

HĐ của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm			
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: **GV:** Dựa trên dàn ý	**TT**		**ĐẠT**	**KĐ**

đã có, cá nhân làm việc độc lập, hoàn thành bài viết **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS viết bài, gv quan sát điều hành lớp **B3. Báo cáo thảo luận:** HS nộp bài **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** dựa theo bảng GV: cho HS tự rà soát bài viết hoặc rà soát chéo cho bạn theo tiêu chí bài viết 3 phần	**Nội dung**	*Mở bài*: Nêu được vấn đề có ý nghĩa, liên quan đến cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội.		
		Thân bài: Có hệ thống luận điểm chặt chẽ, phù hợp; sử dụng lí lẽ sắc bén, bằng chứng xác đáng; sử dụng được các thao tác phù hợp, hiệu quả (chứng minh, bình luận, bác bỏ, giải thích, phân tích) để làm tăng sức thuyết phục cho bài viết.		
		Kết bài: Khẳng định được ý nghĩa và đưa ra được vấn đề cần tiếp tục bàn luận, liên hệ tới bản thân.		
	Hình thức	Đảm bảo bố cục bài nghị luận: Mở bài, Thân bài, Kết bài.		
		Không mắc lỗi chính tả, diễn đạt.		

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Trả bài)

a. **Mục tiêu**: HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để viết hoàn chỉnh bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội).

b. Nội dung: Hoàn thiện lại bài viết theo góp ý của GV và các bạn cùng lớp.

c. Sản phẩm: Bài viết hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS và yêu cầu HS nghiêm túc thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ và nộp lại. **B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện ở nhà** **B3. Báo cáo thảo luận** GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận. HS có thể nộp bài online hoặc trực tiếp cho GV. GV chọn một số bài để nhận xét ở buổi học tiếp theo. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Theo thang điểm 10 (phụ lục đính kèm bên dưới)	

4. Củng cố:

Câu 1. Vẽ sơ đồ tư duy theo 4 bước về qui trình viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (Cách ứng xử trong các mối quan hệ xã hội và gia đình)

Câu 2. Lập dàn ý cần có của kiểu bài nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ

Gợi ý

Câu 2. Lập dàn ý

Mở bài: Giới thiệu vấn đề cần bàn luận (quan điểm và cách ứng xử của giới trẻ trước vấn đề mối quan hệ với xã hội, gia đình)

Thân bài:

- Có thể giải thích vấn đề (nếu cần thiết)
- Nêu ý nghĩa, tầm quan trọng và đề xuất cách ứng xử đúng đắn tốt đẹp trước vấn đề được đề cập
- Sử dụng lý lẽ và bằng chứng để chứng minh cho quan điểm của mình. Bằng chứng cần đa dạng phong phú và từ nhiều nguồn khác nhau
- Phản biện một số quan điểm trái chiều

Kết bài: Khẳng định được tầm quan trọng của vấn đề, khơi gợi được những điều cần tiếp tục bàn luận

5. HDVN: Xem lại bài viết cá nhân, nắm chắc cách tìm ý, lập dàn ý và viết thành bài hoàn chỉnh, chuẩn bị bài nói và nghe "trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ"

Bảng phụ:

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ BÀI VIẾT

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	**1 điểm** - Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả - Sai lỗi chính tả - Sai kết cấu bài	**2 điểm** - Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu - Trình bày cẩn thận - Chuẩn kết cấu bài văn nghị luận - Chuẩn phương thức biểu đạt - Không có lỗi chính tả	**3 điểm** - Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu - Trình bày cẩn thận. - Chuẩn kết cấu bài văn nghị luận - Chuẩn phương thức biểu đạt - Không có lỗi chính tả - Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	**1 – 4 điểm** Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	**5 – 6 điểm** - Nội dung đúng, đủ và trọng tâm - Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	**7 điểm** - Nội dung đúng, đủ và trọng tâm - Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE

Tiết 76,77 **TRÌNH BÀY QUAN ĐIỂM VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI TRẺ**

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nắm được kiểu bài trình bày quan điểm về cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội.
- Hs biết cách lắng nghe và trao đổi ý kiến về đề tài được trình bày trong bài nói.

2. Về năng lực:

- Xác định được các bước để trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội).
- Trình bày được quan điểm và cách ứng xử về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ trong các mối quan hệ gia đình và xã hội.
- Nghe hiểu và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói; biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.
- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học để thực hiện một nhiệm vụ thực tiễn.

3. Về phẩm chất:
- Biết tôn trọng người đối thoại, hình thành tư duy phản biện.
- Quan tâm tới người nghe và có thái độ phù hợp khi nói.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: SGK, SGV Ngữ văn 12, tập hai, kế hoạch bài dạy…

2. Học liệu: Máy chiếu, thiết bị ghi âm hoặc ghi hình (nếu có) để ghi lại phần trình bày của HS,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1.Ổn định lớp, kiểm tra sĩ số.

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Huy động kiến thức của HS về kiểu bài trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

b. Nội dung: Xem vi deo và nhớ lại yêu cầu của hoạt động nói và nghe ở Bài 3 và đọc nội dung Yêu cầu trong SGK Ngữ văn 12, tập hai (tr. 57), hãy cho biết khi trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ em cần đảm bảo điều gì?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh. GV chốt lại.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Gv cho học sinh xem vi deo về một bài thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ lấy trên mạng. Qua video em nhận thấy người thuyết trình đã đảm bảo những yêu cầu nào? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Hs thảo luận chung để trả lời câu hỏi. **B3. Báo cáo thảo luận:** Học sinh trình bày. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Gv nhận xét chốt lại vấn đề.	***Người thuyết trình đã đảm bảo các yêu cầu:** – Chọn được vấn đề hấp dẫn và có ý nghĩa với tuổi trẻ. – Bày tỏ được quan điểm cá nhân và đưa ra được cách ứng xử đúng đắn, tốt đẹp; kết hợp được các lí lẽ thuyết phục và bằng chứng phù hợp. – Thể hiện được sự đồng cảm, thái độ tôn trọng đối với người khác. – Biết tận dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để trình bày bài nói hiệu quả

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a.Mục tiêu:
- Xác định được các bước để trình bày quan điểm và cách ứng xử về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.
- Nghe hiểu và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói; biết nhận xét

về nội dung và hình thức thuyết trình.

b. Nội dung:

- Nêu quy trình trình bày quan điểm và cách ứng xử về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ trong các mối quan hệ gia đình, xã hội.
- Lựa chọn một đề tài phù hợp và lập dàn ý cho bài trình bày đó.
- Luyện nói

c. Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS được trình bày miệng, trao đổi giữa các nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ -Qua việc xem vi deo kết hợp với kiến thức đã học, theo em quy trình thực hành một bài nói trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ như thế nào? -Trong tiết học trước cô đã yêu cầu các bạn về nhà chuyển bài viết: Cách để hình thành, giữ gìn một tình bạn đẹp thành bài thuyết trình trình bày quan điểm của mình. Tiết học này cô yêu cầu đại diện của 2 nhóm lên trình bày. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Hs thảo luận trả lời, đại diện 2 nhóm lên trình bày. B3. Báo cáo thảo luận: Học sinh trình bày. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GVnhận xét chốt lại vấn đề.	**I. Quy trình thực hành nói:** **1. Lựa chọn đề tài** - Khi lựa chọn đề tài, có thể tham khảo các vấn đề được gợi ý ở phần Viết hoặc chọn đề tài mới theo quan điểm cá nhân. - HS có thể lựa chọn đề tài theo gợi ý của GV. **2. Tìm ý và sắp xếp ý** - Nếu chọn đề tài theo phần Viết, cần xem lại dàn ý đã lập, đối chiếu với yêu cầu của bài nói để tìm và sắp xếp hệ thống ý cho phù hợp. - Nếu chọn đề tài mới, thì đặt câu hỏi để tìm ý và sắp xếp ý cho bài nói. **3. Thực hành nói:** Bám sát các ý đã hình thành, trình bày bài nói rõ ràng, mạch lạc; đảm bảo sự tương tác tích cực với người nghe và có sự điều chỉnh nội dung hoặc cách trình bày khi cần thiết. - Mở đầu: Nêu vấn đề của tuổi trẻ về cách ứng xử trong mối quan hệ gia đình, xã hội và giải thích vì sao em lựa chọn vấn đề đó. - Triển khai: + Trình bày ý kiến cá nhân về vấn đề bàn luận với các lí lẽ chặt chẽ, bằng chứng xác đáng. Các lí lẽ, bằng chứng có thể triển khai theo trình tự tăng dần: từ lí lẽ, bằng chứng ít quan trọng đến lí lẽ, bằng chứng quan trọng hơn và kết thúc bằng lí lẽ, bằng chứng quan trọng nhất, có sức thuyết phục cao nhất hoặc theo trình tự ngược lại. + Nêu ý kiến trái chiều có thể có và phản biện lại ý kiến đó. - Kết luận: Khẳng định ý nghĩa của vấn đề bàn luận đối với đời sống của tuổi trẻ hiện nay. **4. Trao đổi, đánh giá:** + Người nghe: - Nêu các câu hỏi cần giải đáp; trao đổi về những điểm đồng tình hoặc chưa đồng tình với người nói. – Thể hiện thái độ lịch sự, tôn trọng đối với người nói + Người nói: - Tiếp thu ý kiến, giải đáp câu hỏi của người nghe hoặc khẳng định quan điểm của bản thân.

- Thể hiện tinh thần cầu thị.

II. Thực hành nói:

1. Trình bày

Nhóm 1:

Nhóm 2:

2. Nhận xét, trao đổi về bài nói

Nhóm 3:

Nhóm 4:

3. Đánh giá dựa theo các tiêu chí

STT	Nội dung	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1.	Nêu được vấn đề có ý nghĩa để thuyết trình.		
2.	Xác định mối liên hệ giữa vấn đề với đời sống của giới trẻ.		
3.	Làm rõ được từng khía cạnh của vấn đề, đánh giá được tính tích cực hay tiêu cực của các cách nhìn nhận về vấn đề.		
4.	Đảm bảo tính cụ thể, chính xác của các thông tin liên quan		
5.	Rút ra được ý nghĩa của việc thuyết trình về vấn đề		
6.	Đảm bảo cấu trúc bài nói.		
7.	Phân bổ thời gian hợp lí cho từng phần		
8.	Phát âm chính xác, không nói ngọng.		
9.	Có tương tác hiệu quả với người nghe.		
10.	Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ để hỗ trợ bài nói (hình ảnh, tranh minh hoạ, video clip,…)		

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE)

a. Mục tiêu: Trình bày được quan điểm và cách ứng xử về một vấn đề: Chỉ có yêu thương mới gieo mầm hạnh phúc.

b.Nội dung:

- Lập dàn ý: Chỉ có yêu thương mới gieo mầm hạnh phúc.
- Trình bày bài nói trước lớp theo dàn ý đã chuẩn bị.
- Nhận xét, trao đổi về bài nói

c. Sản phẩm:

- Kết quả thực hiện của HS được trình bày miệng, trao đổi trong nhóm hoặc ghi vào phiếu học tập.
- Bài nói được HS thuyết trình trước lớp.
- Phiếu ghi lại nhận xét về bài nói trên các tiêu chí.

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>HĐ của Gv và Hs</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
B1. Chuyển giao nhiệm vụ
Đề bài: Chỉ có yêu thương mới gieo mầm hạnh phúc.
B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc nhóm, trình bày bài nói dựa trên dàn ý đã lập.
B3. Báo cáo thảo luận: GV yêu cầu mỗi nhóm cử 1 HS đại diện trình bày sản phẩm
Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện và đánh giá dựa theo các tiêu chí.
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV chốt lại các sản phẩm đạt yêu cầu, lựa chọn các sản phẩm tốt để cho điểm khuyến khích.
</td><td>
1.Trình bày
Nhóm 3:
Nhóm 4:
2.Nhận xét, trao đổi về bài nói
Nhóm 1:
Nhóm 2:
3.Đánh giá dựa theo các tiêu chí
<table>
<tr><th rowspan="2">STT</th><th rowspan="2">Nội dung</th><th colspan="2">Kết quả</th></tr>
<tr><th>Đạt</th><th>Chưa đạt</th></tr>
<tr><td>11</td><td>Nêu được vấn đề có ý nghĩa để thuyết trình.</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>12</td><td>Xác định mối liên hệ giữa vấn đề với đời sống của giới trẻ.</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>13</td><td>Làm rõ được từng khía cạnh của vấn đề, đánh giá được tính tích cực hay tiêu cực của các cách nhìn nhận về vấn đề.</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>14</td><td>Đảm bảo tính cụ thể, chính xác của các thông tin liên quan</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>15</td><td>Rút ra được ý nghĩa của việc thuyết trình về vấn đề</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>16</td><td>Đảm bảo cấu trúc bài nói.</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>17</td><td>Phân bổ thời gian hợp lí cho từng phần</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>18</td><td>Phát âm chính xác, không nói ngọng.</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>19</td><td>Có tương tác hiệu quả với người nghe.</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>20</td><td>Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ để hỗ trợ bài nói (hình ảnh, tranh minh hoạ, video clip,…)</td><td></td><td></td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học để thực hiện nhiệm vụ: tuổi trẻ cần sống có ước mơ.

b. Nội dung: Hoàn thiện và trình bày bài nói.

c. Sản phẩm: Video bài thuyết trình của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm

B1. Chuyển giao nhiệm vụ **Đề bài:** Tuổi trẻ cần sống có ước mơ. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** 4 tổ thực hiện ở nhà. **B3. Báo cáo thảo luận:** 4 tổ quay vi deo gửi sản phẩm qua phần mềm học tập. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV thu lại các video clip được HS ghi lại phần trình bày của mình. GV đánh giá, nhận xét cho điểm những sản phẩm tốt.	Sản phẩm: vi deo bài thực hành nói của 4 tổ.

4. Củng cố.

- Câu 1: Vẽ sơ đồ tư duy theo 4 bước về quy trình nói và nghe về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.
- Câu 2: Thực hành nói và nghe về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ: Biết trân trọng cái đẹp của người khác cũng là một cách làm đẹp chính mình.

Gợi ý:

Mở đầu: Giới thiệu bản thân, vấn đề cần trình bày.

Triển khai: Trình bày bài nói theo dàn ý đã chuẩn bị.

Kết thúc: Lời cảm ơn

5. HDVN: Hình dung lại bài nói trên lớp, nắm chắc quy trình thực hành nói và nghe về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, chuẩn bị bài " dữ liệu trong văn bản thông tin".